

PHỤ NỮ VÀ CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI: TỰ LỰC VĂN ĐOÀN VỚI VẤN ĐỀ PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1930

ĐOÀN ÁNH DƯƠNG^(*)

Tóm tắt: Vấn đề phụ nữ nổi lên như một chủ đề quan trọng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX. Tình cảnh thuộc địa khiến cho lúc ban đầu, các thảo luận về vấn đề phụ nữ hiện diện như một đề tài nhưng đồng thời cũng như là “án dụ” khi các trí thức thuộc địa thường kết nối các vấn đề của phụ nữ trong các dự án chính trị về cải cách xã hội và kiến tạo quốc gia - dân tộc. Đến những năm 1930, các hoạt động vì quyền phụ nữ, nam nữ bình quyền và nữ quyền đã phát triển thành các phong trào chính trị xã hội, hướng phụ nữ vào cuộc đấu tranh vì quyền lợi của giới nữ nhưng đồng thời vẫn kết nối họ với các phong trào cách mạng dân tộc và cải cách xã hội. Hoạt động trong tư cách một nhóm văn chương có tư tưởng xã hội, hướng tới tầng lớp bình dân và các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Tự lực văn đoàn đã dành sự chú tâm tới phụ nữ và các vấn đề mà phụ nữ phải đối diện. Thông qua việc tìm hiểu nhãn quan của một tổ chức dân sự có tầm ảnh hưởng rộng rãi đương thời như Tự lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ, nghiên cứu này thảo luận về một cách thức kết nối phụ nữ Việt Nam với chủ nghĩa hiện đại, thúc đẩy sự tự chủ cũng như hình thành ở họ các quan niệm về cá nhân, giới, xã hội và dân tộc như là tiền đề cho một quá trình hiện đại hóa vấn đề phụ nữ ở Việt Nam.

Từ khóa: vấn đề phụ nữ - giới nữ, chủ nghĩa hiện đại, Tự lực văn đoàn.

Abstract: The woman question emerged as a critical topic in early twentieth-century Vietnam. Intellectuals and activists initially engaged with the subject metaphorically in general projects of social reform and nation-building owing to the colonial condition. Vietnamese women participated in social movements to fight for women's rights, which were developed from activities for gender equality and feminism in the 1930s. Self-Strength Literary Group, a widely influential civil group, who focused their attention on the commoners in colonial and national context, paid attention to women's issues. This paper explores the ideologies of this group to relate Vietnamese women to modernism so as to promote their conception of individuality, gender, society and nation.

Keywords: the woman question, femininity, modernism, Self-Strength Literary Group.

Dẫn nhập

Tự lực văn đoàn là một nhóm nổi bật ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, duy trì các hoạt động như một tổ chức xã hội dân sự hiện đại trong tình cảnh thuộc địa. Lập các tòa báo (*Phong hóa*, *Ngày nay*) và nhà xuất bản (*Đời nay*), tiến hành trao giải thưởng văn học thường kì (Giải thưởng Tự lực văn đoàn vào các năm 1935, 1937, 1939), cổ động phong trào xã hội (cải tạo hương

thôn, cải cách y phục phụ nữ), tổ chức hoạt động đoàn thể (mà tiêu biểu hơn cả là ý tưởng Đoàn Ánh Sáng về quy hoạch nhà ở xã hội)... tất cả cho thấy một tư tưởng xã hội cấp tiến, một quan điểm cải cách xã hội uyển chuyển của Tự lực văn đoàn. Tự nhiệm “phụng sự lí tưởng cải cách”¹ và bền bỉ duy trì các nỗ lực đổi mới, chú trọng tự do cá nhân và tầng lớp bình dân, hướng

^(*) TS. - Viện Văn học.

Email: anhduong911@gmail.com.

¹ Theo lời Nguyễn Tường Long nhân dịp kỉ niệm 3 năm ngày ra báo *Phong hóa* [9, bài “Bên đường dừng bước”, số 154 (20/9/1934), tr.2].

vào xây dựng các thiết chế văn hóa mới và phổ biến quan niệm mới về văn minh vật chất, Tự lực văn đoàn đã đóng góp vai trò quan trọng vào việc hiện đại hóa xã hội Việt Nam.

Trong số các vấn đề mà Tự lực văn đoàn dành ra sự quan tâm không thể không kể đến vấn đề phụ nữ. Có thể nói, người phụ nữ đã hiện diện hầu khắp các hoạt động của nhóm, từ báo chí cho tới xã hội và văn chương. Quy tụ toàn đàn ông, hoạt động trong bối cảnh phong trào phụ nữ Việt Nam đã trưởng thành, Tự lực văn đoàn xây dựng cho mình quan điểm thế nào về vấn đề phụ nữ? Họ chú trọng tới những nội dung gì mà phong trào phụ nữ đương thời hướng đến? Họ kêu gọi, hợp tác và đề xuất những gì cho phong trào phụ nữ đương thời? Khuôn gợn phạm vi khảo sát vào nhãn quan của Tự lực văn đoàn, nghiên cứu này muốn nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa vấn đề phụ nữ và chủ nghĩa hiện đại ở Việt Nam những năm 1930. Từ đó, thông qua việc tìm hiểu sự hiện diện của vấn đề phụ nữ ở một nhóm phái giữ vai trò trung tâm, hoạt động sôi nổi và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn hóa xã hội và chính trị lúc bấy giờ, nghiên cứu đồng thời làm nổi bật các đặc điểm của phong trào phụ nữ Việt Nam, vào một thời đoạn quan trọng của quá trình hiện đại hóa vấn đề phụ nữ ở Việt Nam thời hiện đại.

Sự trỗi dậy của vấn đề phụ nữ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX

Từ trong truyền thống, người phụ nữ Việt Nam vốn đã có địa vị và vai trò quan trọng hơn nếu đem ra so sánh với phụ nữ các nước trong khu vực Đông Á chịu ảnh hưởng của Khổng giáo [14, tr.285-296]. Họ đổ bóng lên đời sống nông nghiệp cổ truyền, từ trong nhà, ra vườn ruộng, đến

chợ búa hàng ngày và các dịp hội hè lễ tết [11]. Họ cũng được bảo trợ trong các gia quy, hương ước và quốc luật của triều đình phong kiến [13]. Tuy vậy, việc tiếp xúc với thế giới phương Tây còn đem lại nhiều hơn các cơ hội thăng tiến vai trò và địa vị của người phụ nữ. Có thể nói, sự thay đổi của đời sống văn hóa xã hội theo hướng Âu hóa ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đã làm nên một bước ngoặt trong đời sống người phụ nữ Việt Nam [2] [3, tr.190-251]. Từ quần quanh trong xó bếp, khép nép trong khuê phòng tiến bước vào đô thị hiện đại, người phụ nữ hiện diện càng rõ rệt trong nhịp sống hối hả của phố phường. Họ tham gia các công việc xã hội gồm cả những việc trước kia chỉ riêng dành cho đàn ông, từ học hành cho đến các hoạt động công cộng mới mẻ khác.

Sau khi bình định các phong trào đấu tranh của người dân bản xứ, thực hiện “sứ mệnh khai hóa”, cùng với đó là chính sách khai thác thuộc địa, chính quyền Pháp đã chú trọng tổ chức ở Đông Dương thuộc Pháp nền học chính phổ cập và thế tục. Nhưng do thiếu thốn về mặt kinh phí, giáo viên và các phương tiện vật chất, chính quyền thuộc địa đã không thể phổ biến các trường nam, nữ học riêng. Hạn chế này, theo đó buộc phải mở các lớp nam nữ học chung, không ngờ lại giúp cho nhiều trẻ em gái ở Việt Nam lúc bấy giờ có cơ hội được đến trường hơn. Khảo sát về giáo dục tiểu học trong hệ thống nhà trường Pháp - Việt từ 1918 đến 1922, Trịnh Văn Thảo nhận định:

“Ngay cả khi tổng số trẻ em gái đến trường học không vượt quá 8% và 70% trong số đó đến từ Nam Kỳ, việc học của trẻ em gái không ngừng phát triển, cải chính những nghi ngờ và dự kiến bi quan của một số quan cai trị hồi cuối thế kỉ - sự

việc này phải được ghi nhận là một thành tích của nhà trường” [10; tr.152].

Hơn mười năm sau, ở giai đoạn Tự lực văn đoàn bắt đầu sự nghiệp, năm học 1931-1932 ghi nhận số lượng nữ học sinh cả nước là 38.984/292.694 học sinh, chiếm tỉ lệ 13,3% (trong đó Bắc Kỳ có 8.218/108.425, chiếm 7,5%; Trung Kỳ có 1.675/52.284, chiếm 3,2%; và Nam Kỳ có 29.091/131.985 học sinh, chiếm 22%) [10; tr.162]¹. Các nữ sinh vươn tới các bậc học cao hơn bị thu hẹp đi nhiều, với 343/4.894 học sinh cao đẳng tiểu học vào năm 1931, dù chỉ chiếm 7% song đây vẫn là một con số khá ấn tượng. Được bình đẳng với nam giới từ trong học tập, cùng đón nhận những kiến thức không khác gì nam giới, điều này đã tạo nền móng cho sự triển nở các ý thức về quyền phụ nữ, nữ quyền, các đòi hỏi nam nữ bình quyền, và tạo tiền đề thúc đẩy phụ nữ tham gia hoạt động xã hội. Theo đó, trong hoàn cảnh mới, nam giới không thể “bỏ quên” mà không xem xét về vai trò và địa vị của phụ nữ trong xã hội nữa. Những “gái mới”, “gái tân thời” từng bước khuynh đảo đời sống, trở thành đối tượng của các thảo luận trên các diễn đàn báo chí. Rõ ràng, nhận thức mới trong bối cảnh mới dẫn tới những trải nghiệm mới ở người phụ nữ. Từ trường học tới trường đời, người phụ nữ mới xác lập sự hiện diện của họ trong tư cách “con người xã hội”, nên theo đó, trở thành đối tượng mới thách thức các đánh giá, phán xét, nhìn nhận.

¹ Dựa trên số liệu của toàn Đông Dương, người viết lọc ra số liệu của Việt Nam và tính tỉ lệ nữ học sinh. Nhưng đây mới là chỉ tính riêng trong hệ thống giáo dục công lập. Nếu có số liệu về giáo dục tư thục, giáo dục mang tính tôn giáo, giáo dục trong cộng đồng người Hoa, thì số nữ học sinh chắc chắn phải nhiều hơn đáng kể.

Song quan trọng hơn, trong tình cảnh thuộc địa, sự nổi lên của các thảo luận về vấn đề phụ nữ đã vượt ra khỏi phạm vi về một giới xã hội mới. Vấn đề phụ nữ vừa là đề tài nhưng đồng thời cũng là “ẩn dụ” trong các thảo luận, khi người ta đặt phụ nữ trong một bối cảnh rộng lớn hơn, kết nối phụ nữ vào các lựa chọn về mẫu hình xã hội, văn hóa hay dân tộc cần tạo dựng trong các dự án chính trị về quốc gia - dân tộc của trí thức bản địa. Trong khoảng ba thập niên đầu thế kỉ XX, người phụ nữ ấy đã thách thức các mô hình diễn giải của các nhà cựu học cấp tiến như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, những trí thức tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, hay những bậc nữ lưu bất ngờ được mời gọi mà từ đó nhận thấy bản phận phải đấu tranh cho giới nữ như Đạm Phương nữ sử [xem thêm 1].

Đến những năm 1930, sự nở rộ của báo chí quốc ngữ nhằm vào các độc giả nữ, trong đó có các tờ báo phụ nữ, đã khiến cho các thảo luận về vấn đề phụ nữ ngày càng trở nên đa dạng hơn. Vào lúc này, người ta không chỉ đặt quyền phụ nữ (women's rights) và nữ quyền (feminism) bên cạnh các thảo luận về nhân quyền (human rights) và chủ nghĩa dân tộc (nationalism), mà còn xem xét vấn đề phụ nữ như là hệ quả của một phong trào chính trị xã hội rộng khắp, đang được cổ vũ mạnh mẽ ở thế giới phương Tây và có tác động mạnh mẽ đến phong trào phụ nữ Việt Nam. Điều này còn xuất phát từ một thực tế là trong xã hội Việt Nam lúc này, như là hệ quả của cuộc khai hóa và khai thác thuộc địa, bên cạnh bộ phận phụ nữ được tiếp cận với nền giáo dục hiện đại để tham dự vào đời sống xã hội ngày càng trở nên đông đảo cũng có sự hiện diện ngày càng tăng tiến của một bộ phận khác, những phụ nữ trở thành nạn nhân trực tiếp của nền kinh tế tình dục bị nhấn chìm

trong các đô thị hiện đại. Trong bối cảnh ấy, tính chất “ẩn dụ” của hình tượng người phụ nữ có phần mờ nhạt hơn dấu không mất hẳn, đồng thời người phụ nữ như một giới xã hội được chú trọng hơn, các thảo luận cũng được tiến hành ở những đề tài cụ thể hơn, liên quan chặt chẽ hơn tới đời sống cá nhân cá thể của người phụ nữ mới.

Chuyển đổi cách tiếp cận vấn đề phụ nữ: diễn trình thảo luận của Tự lực văn đoàn trên các diễn đàn *Phong hóa*, *Ngày nay*

Sự trỗi dậy của vấn đề phụ nữ trong tình cảnh thuộc địa như vậy hiển nhiên đã thu hút được sự chú ý của Tự lực văn đoàn, dẫu ở khởi đầu, không phải họ không có thành kiến với những thay đổi chóng vánh và thiếu kiểm soát của một bộ phận phụ nữ đô thị, khi biến phụ nữ thành đối tượng trào phúng trong nhiều tin bài và tranh biếm họa, dù không cực đoan tới mức quy kết đó là biểu hiện của “Phong hóa suy đồi” như nhiều đánh giá lúc bấy giờ. Trong khi ngược lại, với những thân phận thấp hèn, Tự lực văn đoàn lại tỏ bày sự cảm thông, mà nổi bật là việc sớm đăng dài kì phóng sự “Hà Nội ban đêm” viết về nạn phụ nữ mại dâm ở đô thị của Tràng Khanh và Việt Sinh [9, số 37 (10/3/1933) đến số 60 (18/8/1933)]. Đây là một mở đầu quan trọng, bởi theo như lối trào phúng của Thạch Lam, về sau phóng sự này đã trở thành hình mẫu cho các báo khác “bắt chước”, góp phần thúc đẩy sự phổ biến của loại phóng sự về các tệ nạn xã hội. Dù khi Tự lực văn đoàn mới đăng tải, tờ *Phong hóa* đã phải chịu bao công kích, than phiền về nổi đã gác luân lí đi đâu để đưa những vấn đề khiếm nhã như vậy lên mặt báo [9, bài “Ban đêm mãi”, số 98 (18/5/1934), tr.9]. Về sau, trên tờ *Ngày nay*, Tự lực văn đoàn còn đăng các phóng sự về nạn buôn bán phụ nữ [4,

các bài “Một cái chợ người giữa nơi thành thị”, số 1 (30/1/1935); “Buôn người”, số 2 (10/2/1935) đến số 8 (16/4/1935) của Nhất Chi Mai], đặc biệt là các phóng sự của Trọng Lang Trần Tấn Cửu. Trong đó, tiêu biểu hơn cả là *Hà Nội làm than* [4, số 48 (28/2/1937) đến số 75 (5/9/1937)], một thiên phóng sự về các mặt khuất của đô thị Hà Nội. Từ cái nhìn cảm thương và phê phán, Trọng Lang đã phơi bày nỗi thống khổ tận cùng của người phụ nữ bị đẩy vào các quán bar, tiệm nháy, nhà thổ,... những nạn nhân của ngành công nghệ tinh dục khai thác lợi nhuận từ thân thể người đàn bà ngày càng trở nên phổ biến ở các đô thị thuộc địa.

Nhưng phụ nữ không chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh xã hội mà còn là nạn nhân của hoàn cảnh văn hóa, nhận thức ấy thúc đẩy Tự lực văn đoàn ủng hộ việc tấn công vào “nền luân lí chặt chẽ của Tống nho”, góp sức chung vào việc “làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa”¹. Từ mùa xuân năm 1934, cùng với họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường, Tự lực văn đoàn làm “bông bột lên” phong trào cải cách y phục phụ nữ trên diễn đàn *Phong hóa*, để một năm sau, lối trang phục mới ấy đã đi vào thực tế, hiện diện trong đời sống đô thị khắp ngoài Bắc trong Nam. Thành công của phong trào cải cách y phục phụ nữ - dẫu chỉ mới phổ biến chủ yếu ở giới phụ nữ thượng lưu, có học, có tiền - rõ ràng đã được hưởng lợi từ chính sự trưởng thành và sự tự vận động của người phụ nữ. Hòa vào không khí đang lên của phong trào phụ nữ, Tự lực văn đoàn đã thôi thúc phụ nữ quan tâm, chú trọng và đòi hỏi sự hiện diện của “tính mĩ

¹ Tôn chỉ thứ 8 của *Tự lực văn đoàn* [9, số 87 (2/3/1934), tr.2].

thuật” trên con đường trở thành con người cá nhân hiện đại.

Tất nhiên, khi đã chú ý tới trang phục, cô vũ cho những thiết kế làm tôn thêm vẻ đẹp hình thể của người phụ nữ, thì vấn đề thân thể của phụ nữ đã được chú ý đến. Đây là vấn đề được thảo luận sôi nổi trên tờ *Ngày nay* bộ mới. Trong một bài viết kí tên cô Duyên, được Tự lực văn đoàn thông tin như là nữ trợ bút điều hành chuyên mục “Phụ nữ”, tác giả đã đưa ra một quan niệm hoàn toàn mới mẻ về vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại: “Bây giờ người đàn bà phải đẹp một cách tươi tắn, phải thướt tha một cách khỏe mạnh, thân phải có những nét rần rỏi, đều đặn của sức khỏe, mặt phải hồng hào. Đó mới là cái đẹp hoàn toàn, cái đẹp trẻ trung, nó làm cho người đàn bà giữ được nhan sắc đến bốn mươi tuổi” [4, bài “Phái yếu”, số 19 (02/8/1936), tr.19]. Thậm chí, cô Duyên còn định nghĩa ngắn gọn hơn trong một bài viết khác: “Đẹp, trẻ, khỏe mạnh! Có cả ba điều ấy mới là có nhan sắc hoàn toàn” [4, bài “Đàn bà ngày nay”, số 21 (16/8/1936), tr.19]. Xây dựng một quan niệm mới về vẻ đẹp của người phụ nữ, chuyên mục “Phụ nữ” trên *Ngày nay*, suốt hai năm 1936-1937 dành để thông tin các vấn đề phụ nữ thường thức, đặc biệt nhấn mạnh đến việc làm đẹp, việc luyện tập thể dục thể thao, và các kỹ năng cơ bản của người phụ nữ trong cuộc sống hiện đại. Điểm đáng lưu ý là, chuyên trang này thường xuyên dành cho phụ nữ tự cất tiếng nói về các vấn đề mà họ quan tâm.

Tự lực văn đoàn cũng thông tin về phong trào phụ nữ trên thế giới, khuyến khích phụ nữ tham gia hoạt động xã hội. Trong “mười điều tâm niệm” của Hoàng Đạo, thì điều thứ sáu thảo luận về vấn đề “phụ nữ ra ngoài xã hội” [4, số 32 (01/11/1936), tr.3-4]. Sau khi bày tỏ sự

vui mừng được thấy “vẻ yêu kiều của một cô gái tân thời, tha thướt trong bộ áo kiêu Cát Tường”, một biểu hiện cho thấy “vẻ phương diện mỹ thuật” “chị em đã đi được một bước dài” và “chị em ở thành thị - người hướng dẫn cho phụ nữ cả nước - đã hoàn toàn đổi mới”, Hoàng Đạo thấy cần thúc giục chị em dần thân vào các hoạt động xã hội:

“Phụ nữ nước ta cũng nên mong rằng một ngày kia sẽ như chị em nước người. Mà muốn chóng tới ngày sáng sủa ấy, chị em cần phải hành động ngay từ bây giờ. Chị em phải quả quyết bước qua ngưỡng cửa gia đình làm các công việc xã hội. Chị em đã hết thẹn thò rồi. Nhưng công việc của chị em tại sao không thấy vượt ra ngoài ngưỡng những cuộc chợ phiên? Chị em cần phải mạnh bạo hơn chút nữa, gom tài góp sức để lập hội học, hội thể dục, hội cứu tế, đoàn hướng đạo... và những công cuộc khác bọn nam giới đương theo đuổi.

Như vậy, công cuộc của chị em sẽ không đến nỗi sống một cách phù du, mong manh như lớp phấn hồng trên má, mà xã hội sẽ được hưởng những tấm lòng từ thiện, xả kỉ, bấy lâu ẩn núp trong gia đình” [4, số 32 (01/11/1936), tr.4].

Đó là lí do để khi thành lập Đoàn Ánh Sáng (8/1937) như một tổ chức thành viên của Tự lực văn đoàn, trong cuộc vận động gia nhập Đoàn Ánh Sáng tại Hải Phòng, ban tổ chức đã để cho cô Nguyễn Thị Phú đăng đàn diễn thuyết ở Nhà hát lớn, khuyến khích chị em tham gia vào hoạt động của Đoàn [4, số 95 (23/1/1938), tr.6-7]. Sau đó, Hội đồng quản trị Đoàn Ánh Sáng còn đề xuất thành lập Ủy ban Phụ nữ “để ứng dụng vào mọi việc của Đoàn khi cần đến (tuyên truyền, tổ chức, lạc quyên, cổ động, v.v.)” và hô hào “các bạn gái ở Hà Nội mau mau ghi tên vào Ủy ban Phụ nữ,

đề cùng chúng tôi, nhận lấy một phần trách nhiệm trong công cuộc xã hội” [4, số 104 (3/4/1938), tr.9].

Cùng với việc cổ vũ cho phụ nữ quan tâm tới vẻ đẹp hình thể của mình, nhấn mạnh vào vẻ đẹp thể chất và tác phong để hình thành ở họ quan niệm hiện đại về con người cá nhân cá thể, Tự lực văn đoàn còn đề cao vai trò xã hội của người phụ nữ, thúc đẩy họ tham dự vào những công việc xã hội chung. Điều này cho thấy những chuyển biến và sự tiến bộ trong quan niệm về phụ nữ của Tự lực văn đoàn. Từ những ngày đầu còn cất tiếng cười trào tiếu về phụ nữ khi thấy họ nông nổi cuốn theo các trào lưu đổi mới, Tự lực văn đoàn đã từng bước đánh thức nhận thức ở họ, trong niềm tin vào sự cần thiết của việc tiến tới xác lập giá trị cho những “gái mới”, “phụ nữ tân thời”. Để thực hiện được điều đó, Tự lực văn đoàn đã phoi bày trên báo chí và trong sáng tác những hạn chế của luân lí cổ truyền, của chế độ đại gia đình đã đè nén người phụ nữ đi tìm hạnh phúc cá nhân, khẳng định phẩm hạnh và giá trị của mình, khuyến khích họ “đoạn tuyệt”, “thoát li” để mưu cầu cuộc sống mới. Rồi khi phụ nữ bước đầu có được sự tự chủ, có ý thức về nam nữ bình quyền và nữ quyền, nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình, trong tình cảnh đất nước bị lệ thuộc, họ cổ vũ người phụ nữ tham gia vào công cuộc xã hội, cùng với nam giới hiện thực hóa các lí tưởng tự do, bình đẳng, bác ái.

“Vẻ đẹp của các bà các cô”: Phong trào cải cách y phục phụ nữ của Lemur Nguyễn Cát Tường và Tự lực văn đoàn

Hoạt động xã hội đầu tiên liên quan đến phụ nữ của Tự lực văn đoàn gây được tiếng vang lớn là phong trào cải cách y phục phụ nữ. Trên *Phong hóa* số xuân Giáp Tuất (số

85, 11/2/1934), Tự lực văn đoàn mở chuyên mục “Vẻ đẹp riêng tặng các bà các cô” do họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường phụ trách chính. Dù có dành sự quan tâm đến mấy cho vấn đề cải cách y phục này, Tự lực văn đoàn chắc cũng không thể ngờ rằng đây chính là một khởi đầu cho cuộc cách mạng về nữ phục ở Việt Nam: tạo ra một lối áo dài cách tân gây tranh cãi mà về sau sẽ lại trở thành cơ sở cho áo dài truyền thống, được (phụ nữ) Việt Nam xem như một nét bản sắc giới và văn hóa dân tộc.

Cho đến thời điểm giữa những năm 1930, với Tự lực văn đoàn, việc hàm răng, mái tóc, áo quần, giày dép, đồ trang sức,... hiển nhiên là “phải theo mới” rồi, không còn ở giai đoạn phải hô hào “cắt tóc duy tân”, hay ở cái chặng chỉ còn ít người hiểu cổ cố giữ lại cung cách cũ kiêu như “búi tóc cụ Tổ” mà *Phong hóa* luôn lôi ra giễu cợt nữa, hay chỉ ở mức độ những cải cách hết sức sơ giản, “quần trắng áo lam”, vừa mới diễn ra ngay trước đây, dù cũng đã được *Phong hóa* (bộ cũ) nhiệt tình khuyến khích [9, số 4 (7/7/1932), tr.2-3]. Với cuộc cải cách y phục lần này, điều Tự lực văn đoàn hướng đến không chỉ đơn thuần nhấn vào màu sắc hay chất liệu vải vóc nữa, mà là những sửa đổi về kiểu dáng của bộ quần áo sao cho phù hợp và tôn thêm vẻ đẹp hình thể người phụ nữ. Giống như việc cải cách ngôi nhà đối với dân quê mà Tự lực văn đoàn đang theo đuổi, bộ trang phục mới dành cho phụ nữ ngoài tính thẩm mỹ, phải đảm bảo các tính cách bất buộc khác, như tiện dụng, hợp vệ sinh, dễ cất may và vừa túi tiền. Nói cách khác, cái đẹp phải đi đôi với cái có ích, trong đó chú trọng đảm bảo tính khoa học hiện đại và phù hợp với điều kiện kinh tế.

Ở những kì đầu tiên do Nguyễn Cát Tường phụ trách, những cải cách chủ yếu

hướng đến phụ nữ trẻ ở thành thị, những “gái mới”, “gái tân thời”. Việc biết chữ (Quốc ngữ và Pháp), được hưởng điều kiện kinh tế khá giả của gia đình hay chủ động được tài chính nhờ buôn bán, những phụ nữ hiện đại này là những người sớm ý thức được lợi quyền của họ. Thậm chí, một số trong những phụ nữ này còn mạnh dạn tham gia vào các hoạt động bị nghi kị, chế giễu hay còn gây tranh cãi như trang điểm, ăn diện, nhảy đầm, luyện tập thể thao hay... tắm biển, dẫu đó chỉ là những sinh hoạt thường ngày của người phụ nữ các nước văn minh. Tất nhiên, bộ phận nhỏ bé những phụ nữ tự chủ và cấp tiến này, phải chịu chung cùng những biểu hiện vật chất bên ngoài với đông đảo hơn, những phụ nữ xu thời và một bộ phận không nhỏ phụ nữ bị buộc trở thành hàng hóa, nạn nhân của nền kinh tế tình dục trong tình cảnh thuộc địa, được ghi lại trong các phóng sự như đã nhắc đến ở trước. Trong cái nhìn đầy định kiến và xét nét, người phụ nữ bị vợ cả nắm vào trong biểu hiện của “Phong hóa suy đồi”. Tuy vẫn cất tiếng cười trào phúng những biểu hiện cho thấy có những việc, những lúc phụ nữ “theo mới” một cách ấu trĩ, a dua, đua đòi,... nhưng Tự lực văn đoàn cực lực công kích vào lối xét đoán phiến diện mang tính quy chụp về luân lý này. Chủ trương theo mới, đá phá Tổng nho, dễ hiểu vì sao, mỗi khi có cơ hội là Tự lực văn đoàn lại cất tiếng nói ủng hộ phụ nữ mưu việc giải phóng.

Khi khẳng định “tính ưa đẹp và hay trang điểm” là đặc điểm của phụ nữ, và nếu biết giới hạn, “thì chắc rằng sự trang điểm là một tính rất hay và rất cần cho phụ nữ”, “trang điểm không những không trái luật thiên nhiên, lại còn tỏ ra rằng mình biết trọng người và biết tự quý mình” [9, bài “Tính ưa đẹp và hay trang điểm”, số

85 (11/2/1934), tr.22], họa sĩ Nguyễn Cát Tường cũng như các thành viên của Tự lực văn đoàn nhận thấy rằng hình thức là một vấn đề quan trọng và thiết thân không chỉ với riêng người phụ nữ. Trong vấn đề hình thức ấy, khi không cho rằng cái vẻ bề ngoài tưởng chừng như không can hệ gì lắm đến tư tưởng và tình cảm bên trong, thì “y phục của phụ nữ” dành được ở họ một sự quan tâm đặc biệt. Bàn về vấn đề “y phục của phụ nữ”, Nguyễn Cát Tường cho rằng “ta chớ vội cho là một vấn đề nhỏ mọn không đáng bàn, một vấn đề thuộc về vật chất. Chính ra vật chất cũng có mặt thiết với tinh thần mà nó lại cùng tinh thần phân biệt rõ ràng loài người với giống vật. Người ta khác giống vật là bởi trí khôn và bởi cả quần áo” [9, bài “Y phục của phụ nữ”, số 86 (23/2/1934), tr.4]. Hơn thế, y phục không chỉ “xứng kì đức”, nó còn là sự thể hiện “phương diện quốc gia” nữa. Nguyễn Cát Tường quan niệm rằng “quần áo tuy dùng để che thân thể, song, nó có thể là tấm gương phản chiếu ra ngoài cái trình độ tri thức của một nước. Muốn biết nước nào có tiến bộ, có kĩ thuật hay không, cứ xem y phục của người nước họ, ta cũng đủ hiểu” [9, số 86 (23/2/1934), tr.4]. Vì thế, ở vào địa vị của trí thức thuộc địa, nung nấu trong tâm trí tư tưởng và tình cảm với quê hương đất nước, với những người dân bình dị thân thuộc, Nguyễn Cát Tường mong muốn được góp phần phụng sự cho đường văn minh, tiến bộ. Có lẽ, chính nhờ sự thôi thúc ấy mà Nguyễn Cát Tường đã dành thời gian và tâm sức cho việc cải đổi và thiết kế các kiểu trang phục mới. “Bộ áo của các bạn gái rồi đây phải như thế nào?” Nguyễn Cát Tường đặt ra câu hỏi rồi tự trả lời:

“Trước hết, nó phải hợp với khí hậu xứ ta, với thời tiết các mùa, với công việc, với khuôn khổ, với mực thước của thân hình mỗi bạn; sau nữa, nó phải gọn gàng,

giản dị, mạnh mẽ và có vẻ mỹ thuật và lịch sự. Nhưng dù thế nào, nó cũng phải có cái tính cách riêng của nước nhà mới được. Các bạn là phụ nữ Việt Nam, vậy áo của các bạn phải có một vẻ riêng để người khác khỏi nhầm các bạn với phụ nữ nước ngoài...” [9, số 86 (23/2/1934), tr.4].

Đây là những quan niệm căn bản định hình đường hướng cải cách y phục của Nguyễn Cát Tường. Ở đây có sự rõ ràng, khoa học và khúc chiết. Nhưng điều thúc Nguyễn Cát Tường sáng tạo những kiểu mẫu mới không chỉ bởi sự chỉ dẫn của quan niệm hiện đại ấy về y phục, mà còn bởi nhiệt huyết “theo mới” mà họa sĩ và các bạn trong Tự lực văn đoàn đã lựa chọn, cổ súy. Nguyễn Cát Tường thúc giục các bạn gái: “Tôi mong rằng rồi đây các bạn gái sẽ mạnh bạo mà tiến bước, gác bỏ ra ngoài những điều bình phẩm vô giá trị... Điều gì hay, ta theo, dở ta bỏ, miễn là ta không làm gì quá lạm, rườm rà, có thể tổn đến hạnh phúc, hại đến danh dự của ta và của nước” [9, số 86 (23/2/1934), tr.4]. Cổ vũ phụ nữ cải cách y phục, Nguyễn Cát Tường vẽ kiểu và viết bài thuyết minh cho những thiết kế ấy, giúp cho bạn gái biết được căn nguyên, cách thức tiến hành, các ưu điểm của sự cải cách y phục cũng như các vấn đề liên quan. Sau khi trình bày quan niệm về y phục phụ nữ mới, Nguyễn Cát Tường cho đăng trên *Phong hóa* các bài viết về cải cách y phục phụ nữ. Và bên cạnh việc đưa ra các kiểu y phục mới, Nguyễn Cát Tường cũng hướng phụ nữ đến những hoạt động làm tăng vẻ đẹp hình thể, để quần áo và dáng vẻ tôn lẫn cho nhau, giúp cho phụ nữ càng thêm xinh đẹp¹.

¹ Có thể xem các bài viết của Nguyễn Cát Tường được chúng tôi tập hợp trong sách *Tự lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ* [9, phần II, tr.207-301].

Để tăng thêm sức nặng, thể hiện rõ sự thống nhất trong việc cổ vũ cho việc đổi mới y phục, sau vài số đăng bài bàn về cách thức cải cách y phục phụ nữ, Nhị Linh viết xã thuyết bàn về “vẻ đẹp của các bà các cô”. Dưới hình thức bức thư gửi ông nghị, như cách làm với loạt bài về chương trình cải cách hương thôn, xã thuyết nhấn mạnh vào “tính phổ thông” của hoạt động cải cách y phục, mong sao cho càng nhiều phụ nữ được tiếp cận lối y phục hiện đại văn minh thì càng tốt. Không nhấn mạnh vào “tính thẩm mỹ” như nó vốn dĩ phải có, Nhị Linh cho rằng “sự cải cách y phục phụ nữ của chúng tôi chỉ có một ý nghĩa phổ thông, dù vẻ đẹp của bộ áo quần do họa sĩ Cát Tường chế ra được hay không được công chúng công nhận và hoan nghênh mặc lòng” [9, số 89 (16/3/1934), tr.1]. Và như để tiếp tục bổ trợ thêm vào ý kiến của Nhị Linh, dù cho rằng y phục lối mới của Cát Tường vẫn có thể dùng cho phụ nữ ở nhà quê mà “chẳng ai dám chê là lố”, “chẳng ai dám kêu là bạo”, song với ý hướng phổ cập hóa và đa dạng hóa kiểu mẫu y phục, “chẳng cứ chỉ người thành thị hay người giàu, người thôn quê, người nghèo cũng có thể hưởng vẻ đẹp của y phục”, Nhị Linh đã góp thêm vào cuộc cải cách lối y phục dành cho phụ nữ thôn quê do chính ông vẽ kiểu [9, bài “Một kiểu y phục nhà quê”, số 100 (1/6/1934), tr.4]. Bài viết và kiểu vẽ “y phục nhà quê” này của Nhị Linh, trong kết nối với bài xã thuyết của Nhị Linh, cho thấy mong muốn của Tự lực văn đoàn về sự phổ cập rộng rãi tới đông đảo phụ nữ Việt Nam các kiểu y phục cải cách giúp đem lại nét đẹp, sức khỏe, tiện ích mà vẫn tôn vẻ lịch sự nhã nhặn trong hoàn cảnh kinh tế còn eo hẹp của đông đảo người phụ nữ lúc bấy giờ.

Mở rộng diễn đàn thảo luận, *Phong hóa* cũng cho đăng vào mục “Vẻ đẹp riêng

tặng các bà các cô” ý kiến hoan nghênh của bạn đọc, cũng như các bài chất chính về các phê bình của Nguyễn Cát Tường trên trang báo. Điều này cho thấy phong trào đã tạo được dư luận rộng rãi¹. Hơn nữa, các ý kiến trao đổi này cũng giúp thêm những góc nhìn khác, nhất là từ trải nghiệm thực tế của người phụ nữ, góp vào cuộc cải cách [9, bài “Về việc sửa lại y phục của phụ nữ” của cô H.T.C, số 93 (13/4/1934), tr.4]. Nhưng quan trọng hơn, cần dư luận ủng hộ cuộc cải cách trên thực tế, *Phong hóa* còn chỉ nơi thực hành lối may mặc mới. Trên *Phong hóa* số 96, tòa báo quảng cáo về nhà may “mẫu áo Cát Tường” của ông Phạm Tá (tốt nghiệp tại trường nhuộm và may ở Paris) tại số 23 phố Bờ Hồ, nơi có chủ trương mời “họa sĩ Cát Tường đến trông coi giúp”, để các kiểu quần áo được vừa ý các bà, các cô nhất [9, số 96 (4 tháng 5/1934), tr.14].

Kết quả, Tự lực văn đoàn và các cộng sự đã sớm thành công với cuộc cải cách y phục này². Sang năm 1935, với lợi thế của

một tờ báo in ảnh, *Ngày nay* đã đăng tải nhiều ảnh và bài viết về phong trào mặc áo Lemur, cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc cải cách y phục này. Bản thân họa sĩ, nhà thiết kế Lemur Nguyễn Cát Tường thì tiến hành một chuyến đi vào Trung kì và Nam kì để quảng bá cho các lối trang phục mới. Đến giữa năm 1935, ấn phẩm *Đẹp - Mùa Nực 1934*, “nói về mọi vẻ đẹp, có nhiều tranh ảnh rất đẹp, in giấy thượng hạng”, trong đó có các bản vẽ kiểu và in ảnh trang phục, đồ nữ trang, do Nguyễn Cát Tường cùng các bạn Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, Trần Quang Trân [tức Ngym] soạn, nhà xuất bản Đồi nay ấn hành tháng 9/1934 cũng đã được bán hết [9, quảng cáo trên các số 103 (22/6/1934), tr.1; 114 (7/9/1934), tr.3; 150 (24/5/1935), tr.11]. Sang năm 1936, Cát Tường viết thêm một số bài về trang phục và cách điếm trang trên chuyên trang “Phụ nữ” của *Ngày nay* [xem 9, tr.272-295]³.

¹ Thậm chí, mấy năm sau, trong tiểu thuyết *Số đỏ* (đăng dài kì trên *Hà Nội báo*, 10/1936 - 1/1937; in sách lần đầu năm 1938 tại nhà in Lê Cường), Vũ Trọng Phụng hư cấu nhân vật họa sĩ kiêm thợ may TYPN như để chế giễu phong trào ăn vận quần áo tân thời, dù không đích danh mai mĩa Lemur Nguyễn Cát Tường, người vẽ kiểu và khởi xướng phong trào.

² Nhìn lại các hoạt động trong năm 1934, Tự Lực có nhắc đến cuộc vận động cải cách y phục phụ nữ như một chỉ dấu cho thấy những tác động của nó tới sự tiến triển của phong trào phụ nữ Việt Nam: “Phong trào mặc áo tân thời cũng bỗng bật lên như phong trào Thơ mới. Kẻ công kích, người khuyến khích, những áo tân thời kẻ cũng đã làm tổn mục, giấy cho các nhà văn. Dấu sao, có thay đổi mới có tiến bộ. Mĩ thuật bắt họ phải ăn vận mỗi người mỗi khác, nhưng nền luân lí chặt chẽ của Tống nho lại bắt họ phải ăn vận giống nhau: để lệch một bên ngói cũng đã là phạm một tội nặng, huống hồ lại

đổi cả kiểu một cái quần! Tội thật đáng đày chung thân... Đến bây giờ, chính những bà những cô lên giọng đạo đức ấy lại vội vàng đi cạo răng, đi may áo mới... Ý chừng họ lấy làm sung sướng được chung thân... chung thân với áo quần kiểu mới” [9, số xuân Giáp Tuất - 134 (30/1/1935), tr.3].

³ Vào các năm sau, tuy phong trào cải cách không còn “bồng bột lên” như trước, song Cát Tường vẫn tiếp tục hoạt động thiết kế và may mặc của mình. Cho đến giữa năm 1937, Nguyễn Cát Tường còn tự mở “hiệu may y phục phụ nữ tân thời to nhất Bắc Kỳ” ở số 16 đường Lê Lợi (Hà Nội). Ông trưng bày tại cửa hàng các thiết kế mới về “áo cưới, áo đi xe đạp”, “nón Lemur”, và cuối năm 1938 thì có thêm “manteau” [4, quảng cáo trên các số 76 (12/9/37), tr.17; 87 (28/11/37), tr.8; 91 (26/12/37), tr.20]. Sang năm 1939, Cát Tường tự xuất bản sách “50 mẫu y phục phụ nữ của Lemur”, nhà xuất bản Đồi nay của Tự lực văn đoàn nhận giúp việc phát hành [4, quảng cáo trên các số 153 (18/3/39), tr.19; 164 (3/6/39), tr.6; 167 (24/6/39), tr.8]. Mùa thu cùng năm, Cát Tường chuyển hiệu may từ 16 Lê Lợi về 14 Hàng Da. Sự kiện này được thông báo bằng cả

Có thể nói, chỉ trong vài năm, từ chủ trương đến trực tiếp phổ biến trong đời sống hàng ngày, phong trào cải cách y phục của họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường và nhóm Tự lực văn đoàn đã có được những thành công rất đáng kể [5] [6, tr.176-218]. Dù chủ yếu hướng đến đối tượng là phụ nữ tân thời, ở các đô thị, nhưng việc chú trọng tới các tính chất thẩm mỹ, phù hợp với hình thể, thời tiết và công việc, hữu dụng và tiện ích, lại còn hướng tới “phương diện quốc gia” của trang phục, cuộc cải cách y phục phụ nữ này đáng được xem xét như một cuộc cách mạng thường ngày của các trí thức Tây học trẻ tuổi trước tình cảnh thuộc địa.

“Luận đề” về vấn đề phụ nữ: hành trình đi tìm sự tự chủ của người phụ nữ trong văn chương của Tự lực văn đoàn

Tự lực văn đoàn đã tích cực tham gia vào tiến trình hiện đại hóa vấn đề phụ nữ thông qua báo chí và hoạt động xã hội. Song đóng góp nổi bật nhất của Tự lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ không phải ở việc hướng phụ nữ tới việc chiếm lĩnh văn minh vật chất cũng như các kiến thức về phụ nữ thường thức hiện đại, mà là đấu tranh cho các quyền lợi và địa vị của phụ nữ trên lĩnh vực văn hóa tinh thần. Tự lực văn đoàn chủ yếu thực hiện chủ trương này trong các sáng tác văn chương. Có thể nói, với văn chương Tự lực văn đoàn, lần đầu tiên phụ nữ Việt Nam được hiện diện một cách mạnh mẽ trong tư cách của những nhân vật chủ động. Trong suốt những năm 1930, thời điểm mà phong trào phụ nữ Việt Nam có những chuyển biến mạnh mẽ với sự xuất

hiện ngày càng đông đảo của phụ nữ trong đời sống xã hội cũng như trong các cuộc thảo luận về địa vị và vai trò xã hội của người phụ nữ, từ các tiểu thuyết lãng mạn *Hồn bướm mơ tiên* (của Khải Hưng, 1932-1933), *Nửa chừng xuân* (của Khải Hưng, 1933-1934), *Gánh hàng hoa* (của Khải Hưng và Nhất Linh, 1933-1934), qua bước ngoặt “xã hội tiểu thuyết” *Đời mưa gió* (của Khải Hưng và Nhất Linh, 1934) đến *Đoạn tuyệt* (của Nhất Linh, 1934-1935), *Trống mái* (của Khải Hưng, 1935-1936), *Lạnh lùng* (của Nhất Linh, 1935-1937), *Gia đình* (của Khải Hưng, 1936-1938), *Thoát ly* (của Khải Hưng, 1937-1939), *Thừa tự* (của Khải Hưng, 1938-1940), tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn ngày càng dành ra sự quan tâm và tôn cao vị thế chủ động của người phụ nữ, xem đây như một dấu chỉ đề “luận đề” về cuộc đấu tranh giữa mới và cũ, giữa con người cá nhân và chủ nghĩa đại gia đình, giữa tư tưởng tự do tiến bộ với nền luân lý Khổng giáo lỗi thời, đòi hỏi quyền sống chính đáng, quyền tự do cá nhân, quyền lựa chọn và gây dựng hạnh phúc riêng cho người phụ nữ.

Nếu *Hồn bướm mơ tiên* là cuộc đối thoại với “văn chương sâu thẳm” trước đó thì *Nửa chừng xuân* là cuộc đối thoại với độc giả của lối văn chương cũ ấy. Chỉ với hai tiểu thuyết đầu tay này, Khải Hưng đã lật đổ sự thống trị của “văn sâu, văn cảm” đang khuynh đảo thị thiếu phụ nữ lúc này, một nguyên nhân dẫn tới nạn “phụ nữ tự sát”, khi thay thế vào đó vẻ đẹp trong sáng, hoạt động, giàu sức sống của những áng văn lãng mạn. Nhất Linh đã nhận thấy thay đổi mang tính cách mạng này trong quan niệm của Khải Hưng. Trong lời giới thiệu *Hồn bướm mơ tiên*, Nhất Linh cho rằng tuy Khải Hưng vẫn viết về câu chuyện tình duyên éo le ngang trái, nhưng đó đã là

tiếng Việt và tiếng Pháp trên *Ngày nay*, điều đó cho thấy khách hàng của hiệu may Cát Tường có thể đã gồm cả phụ nữ Pháp ở Đông Dương nữa [4, các số 173 (5/8/39), tr.20; 182 (7/10/39), tr.6].

“một truyện tình cao thượng và trong sạch của đôi thanh niên yêu nhau”. Cộng thêm “lời văn giản dị, nhanh nhẹn, vẫn vui vẻ mà làm cho người ta cảm động vô ngần”, *Hồn bướm mơ tiên* đã làm chấn động người đọc bởi rung cảm ấy, “một cái cảm nhẹ nhàng, vui lẫn buồn tựa như những ngày thu nắng nhạt điểm mưa thưa” [9, bài “Tựa truyện *Hồn bướm mơ tiên*”, số 61 (25/8/1933), tr.2]. Tuyệt nhiên, không phải lên gân lên cốt, không phải cố gắng chỉ ra “cái hại của văn cảm” như chủ ý của Song An Hoàng Ngọc Phách khi viết *Tổ Tâm* (1925), Khải Hưng qua câu chuyện của mình, gieo vào lòng người đọc không chỉ nỗi buồn mà cả niềm vui, không chỉ nỗi sầu khổ ai oán mà còn cả niềm khát khao yêu sống. Ở *Nửa chừng xuân*, niềm khát sống ấy càng được nhân lên trong nghịch cảnh. Ra đời trong lúc “mới, cũ găng nhau”, đời cô Mai - như một tên phụ của tiểu thuyết - phơi bày những ngang trái trong tình yêu mới của một cô gái mới bị bóp nghẹt bởi luân lí cũ trong một chế độ gia đình cũ. Nhưng khác với những cô gái khác, cô Mai có thất vọng nhưng “cô khẳng khái không chịu khuất phục bằng cách quyên sinh, cũng không chịu khuất phục bằng cách trở về với cái cũ”, thậm chí hơn thế “cô cứ cứng cỏi mà sống yên lặng không than vãn, vui lòng hi sinh hạnh phúc ở đời”. Lòng yêu đời, “yêu đời một cách tha thiết”, theo đó, khiến cô Mai trở thành “một người bạn nhẫn nại đời đời an ủi những người cùng một cảnh ngộ”, “một người bạn cứng cỏi để cấm đoán những người đã chịu đau khổ về cái cũ, đừng vì muốn tránh sự đau khổ, lại hèn nhát trở về với cái cũ đó”. Mai trở thành chứng nhân cho một thời đại, lấy cái chứng tích đau thương của mình và nghị lực vượt lên vết thương đau ấy, để “nhủ bảo cho người khác biết trọng sự hi sinh, cho rằng đời có hi sinh mới là đời đáng sống, rồi

biết lấy cái thú vị chua chát của sự hi sinh để an ủi, dỗ dành mình trong những ngày thất vọng và để khuyến khích mình dẫu sao cũng vui vẻ, mạnh mẽ mà sống” [9, bài “Tựa *Nửa chừng xuân* của Khải Hưng”, số 86 (23/2/1934), tr.2].

Đến lượt mình, *Đoạn tuyệt* lại là một đối thoại của Nhất Linh với *Nửa chừng xuân* của Khải Hưng. Trong *Đoạn tuyệt*, cuộc đời cô Loan của Nhất Linh cũng bi thảm chẳng khác cuộc đời cô Mai của Khải Hưng. Giống như Mai, cô chấp nhận hi sinh để bước vào một gia đình nệ cổ, rồi nhẫn nhục chịu đựng để mong về một cuộc sống bình yên. Nhưng khác Mai ở một điểm then chốt, Loan là “gái mới” đã thụ đắc nền học vấn mới. Cái đầu óc biết quan sát và suy xét ấy khiến cho cô không yên ổn phục tùng chế độ gia đình cũ. Để cô làm trạng sư tự biện hộ và cãi trắng cho chính mình trong nghi án giết chồng, Nhất Linh đẩy cuộc đối đầu cũ - mới tới lần ranh chia rẽ, tất nhiên là không thể quay về với cái cũ, nhưng ngay cả “sống chung” với cái cũ cũng là điều không thể¹.

¹ Trong con mắt của một trạng sư ở ngoài đời thực, Nguyễn Tường Long khi đề tựa cho tiểu thuyết đã nhấn mạnh rằng đời cô Loan khiến “ta cảm thấy rõ rệt sự li dị của hai chế độ cũ và mới: giáo dục học vấn của ta đã khác xưa, tinh thần lí tưởng của ta đã thay đổi, thì ta nhẫn nhục đến bực nào mặc dầu, cũng không sao trở về với cái cũ được nữa” [7, tr.6]. Thậm chí sau đây, khi đề tựa cho tiểu thuyết *Lạnh lùng*, một câu chuyện về người đàn bà góa đương xuân vì thỏa hiệp để giữ cái danh giá cho gia đình cũ mà phải dần bước vào cảnh đời gian trá, Nguyễn Tường Long còn lên tiếng “kết án”: “Nhưng lỗi không phải của Nhung. Lỗi cũng không phải tại bà Án. Mà cũng không tại ai cả. Lỗi là lỗi của nền luân lí chật hẹp muốn khuôn hết tính tình của người ta vào những mẫu nhất định, bất di dịch, một nền luân lí đã coi rẻ hạnh phúc của ‘con người’” [4, bài “Tựa *Lạnh lùng*”, số 48 (28/2/1937), tr.4].

Cho đến đây, sự ủng hộ mạnh mẽ của Nhất Linh và Tự lực văn đoàn với việc giải phóng người phụ nữ đã làm náo động dư luận. Trên báo chí lúc bấy giờ, sôi nổi các tiếng đồng tình và phản đối, với tất cả những lí luận bênh vực và lên án¹. Nếu như Tự lực văn đoàn quyết liệt trong ý hướng loại bỏ chế độ đại gia đình, coi đó như là không gian giam hãm và chôn vùi tuổi xuân và hạnh phúc của những cô gái mới, thì một số nhà văn như Nguyễn Công Hoan vẫn muốn tìm thấy trong đó một sự dung hòa giữa cái mới và nền luân lí cũ. Đó là lí do để Nguyễn Công Hoan viết những tác phẩm với cốt truyện và các vai hành động giống như tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn, nhưng được bề láai theo một dụng ý khác, êm đềm hơn, dễ chịu hơn, như một câu trả lời, một hướng dẫn, hay một bài học kinh nghiệm mà bạn gái có thể nhận lấy sau khi đọc tác phẩm để “vận dụng” vào cuộc đời của mình. Các nhà văn trong Tự lực văn đoàn không nghĩ như thế, dù rõ ràng sáng tác của họ có màu sắc “luận đề” như dư luận đương thời nhìn nhận, song

¹ Hơn thế, khi Tự lực văn đoàn, với cách thức trào phúng quen thuộc, nhân dịp đầu xuân 1936 đề xuất “thăng văn sĩ hạng nhất” cho ông Nguyễn Công Hoan vì “đã chịu khó ‘sưu tầm’ để viết *Lá ngọc cành vàng* giống *Nửa chừng xuân* và *Cô giáo Minh* giống hết *Đoạn tuyệt*” [9, bài “Xuân thủ đâm ân”, số 172 (31/1/1936), tr.3], dư luận ấy lại bị kéo thêm vào một cuộc tranh cãi giữa Tự lực văn đoàn với một số nhà văn cộng tác thường xuyên với nhóm Tân dân. Những nhà văn như Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư bày tỏ sự ủng hộ Nguyễn Công Hoan vì theo họ, ông đã bị nhóm Tự lực văn đoàn quy kết là ăn cắp văn. Gác sang một bên những lời qua tiếng lại giữa Tân dân và Tự lực văn đoàn, vốn là hai nhóm đã chẳng thân thiện gì với nhau bởi khác biệt trong cung cách, quan niệm và phương châm hoạt động báo chí và văn chương, để chỉ nhìn nhận cách thức ứng xử với vấn đề phụ nữ, cuộc tranh luận cũng cho thấy sự phức tạp và phân hóa trong cách nhìn nhận về cùng một vấn đề.

họ không ép câu chuyện phải uốn theo chủ ý của người viết, mà để câu chuyện phơi bày như chính nó phải thế. Về mặt lí tưởng là vậy, nhưng không phải lúc nào nhà văn cũng đạt được tới sự chu toàn ấy. Định kiến “luận đề” và cái kết có phần khiên cưỡng và quá bạo liệt, trong sự đọc này sinh bởi cảm nghĩ thông thường của quá trình tiếp nhận văn chương, khiến cho *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh vẫn gieo vào lòng bạn đọc những băn khoăn, và băn khoăn nhất vẫn ở... cái kết của câu chuyện. Ở một phía, dư luận mong muốn về một cái kết có hậu hơn, vì cái kết bi đát như của Loan và Thân, hoàn toàn... không thể đem ra mà “vận dụng” vào công cuộc giải phóng phụ nữ được. Ở một phía khác, thậm chí, người đọc còn đòi hỏi nhà văn, thông qua tác phẩm, phải chỉ ra phương cách, dặt lối đưa đường cho bạn đọc hiện thực hóa ý tưởng giải phóng ở ngoài thực tế.

Bản thân Nhất Linh cũng không phải là không biết điều đó. Dẫu nhận thức rằng, “viết truyện không phải để chỉ ‘cách’ cho ai như viết một bài luận, hay một cái chương trình”, và khi viết truyện “cũng không thể đòi sự thực để làm lợi một lí thuyết nào cả”, nhưng tâm huyết với vấn đề phụ nữ và để bày tỏ quyết tâm theo mới, Nhất Linh có thể đã chấp nhận phụng sự cho tư tưởng nhiều hơn cho sự tròn trịa của áng văn, điều mà người ta thường nói là hi sinh về đẹp nghệ thuật để nhấn mạnh tới tính “luận đề” trong sáng tác².

Đoạn tuyệt ghi một dấu mốc quan trọng trên hành trình tiểu thuyết của Nhất Linh cũng như trên hành trình đấu tranh cho quyền phụ nữ và nữ quyền của Tự

² Xem thêm bài Nhất Linh trả lời độc giả Quốc Lang về “dụng ý” của ông khi viết *Đoạn tuyệt* [9, số 184 (24/4/1936), tr.8].

lực văn đoàn. Nhưng không chỉ dừng lại ở đây, Nhất Linh vẫn còn hết sức thao thiết với vấn đề phụ nữ. Ngay sau thành công của *Đoạn tuyệt*, ông viết tiếp *Lạnh lùng*, một tiểu thuyết “tả những nông nổi của một người đàn bà góa trẻ ở xã hội Việt Nam”¹, và giống như *Đoạn tuyệt*, một lần nữa tiểu thuyết của Nhất Linh lại gây sóng gió trên dư luận báo chí đương thời [4, bài “Các báo phê bình *Lạnh lùng*”, số 57 (2/5/1937), tr.17]. Điểm đáng lưu ý trong đó là việc Trương Tửu mạnh mẽ lên tiếng kết án “tiểu thuyết *Lạnh Lùng* của ông Nhất Linh định phá hoại cuộc tiến bộ của phụ nữ Việt Nam” khiến một lần nữa báo giới chứng kiến những lời đáp lại của nhiều nhà văn và nhà phê bình khác [4, bài “Chung quanh cuốn *Lạnh lùng*”, số 91 (26/12/1937), tr.22; số 92 (2/1/1938), tr.22]. Nhưng tại sao lại có thể xảy ra một cuộc tranh luận như thế? Có một điều đáng lưu ý ở đây là, tình thế xã hội Việt Nam đã thay đổi rất mau chóng. Việc Trương Tửu, người vừa mới hết lời khen *Đoạn Tuyệt* trên báo *Loa* (số ra 8/8/1935) nay quay sang đã phá *Lạnh lùng* trên số đầu tờ báo khuyếch tả *Thời thế* vừa mới ra mắt (tháng 4/1937) - hai cuốn tiểu thuyết của cùng một tác giả theo đuổi cùng một triết lí giải phóng phụ nữ - cho thấy ý thức hệ chính trị đã quy chiếu mạnh mẽ thế nào đến quan điểm phê bình văn nghệ, là điều mà chỉ từ sự khác biệt về quan điểm xã hội, người ta chưa thấy trong cuộc tranh luận về *Đoạn tuyệt* chỉ mấy năm trước.

Với Khái Hưng, cũng giống như Nhất Linh, tiểu thuyết của ông tiếp tục dành ra sự quan tâm đến vấn đề phụ nữ. Vào những năm 1934-1936, ngay trong không

khí cổ động phụ nữ tham gia hoạt động xã hội (đi bộ, thể thao, du lịch,...), Khái Hưng đã lấy Sầm Sơn làm bối cảnh cho câu chuyện về một thiếu nữ tân thời và tình yêu của cô với một chàng đánh cá, như một dự báo về tình thế hiện đại của người phụ nữ mới (*Trống mái*). Nhưng sau đó, Khái Hưng chuyển sang quan tâm trở lại với những mâu thuẫn trong đời sống đại gia đình ở bộ ba tiểu thuyết phong tục *Gia đình*, *Thoát ly*, *Thừa tự*, một thế mạnh mà cả ông và người em trai Trần Tiêu đều sở đắc. Trong số những tiểu thuyết này, với vấn đề phụ nữ, *Thoát ly* có một vị trí nổi bật khi thể hiện sâu sắc “tất cả tâm sự đau đớn của một thiếu nữ sống trong tình cảnh dè ghe con chồng; tất cả cái xã hội đàn bà thóc mách và nhỏ nhen ở một tỉnh nhỏ”². Tuy nhiên, sở hữu một văn phong khác cùng với cách đặt vấn đề nhân nhĩ chứ không bạo liệt như Nhất Linh, nhất là cộng với sự ưu trội của những hiểu biết phong tục được thể hiện nhân nhĩ trong các tác phẩm, chính những điều này đã khiến cho tiểu thuyết phong tục của Khái Hưng, tuy vẫn được rất nhiều bạn đọc hưởng ứng, được các nhà phê bình đánh giá cao, nhưng không tạo ra những cuộc tranh luận như *Đoạn tuyệt* hay *Lạnh lùng* của Nhất Linh.

Suốt một vệt các sáng tác quan thiết tới vấn đề phụ nữ và cái cách ấy của hai nhà văn trụ cột của Tự lực văn đoàn, bộ tứ *Nửa chừng xuân - Đoạn tuyệt - Lạnh lùng - Thoát ly*, đáng được xem là những tác phẩm tiêu biểu nhất, những tiếng nói mạnh mẽ và quyết liệt nhất, trong cuộc đấu tranh đòi các quyền phụ nữ và nữ quyền ở Việt Nam lúc bấy giờ. Tất nhiên, khi được viết

¹ Theo như quảng cáo chuẩn bị đăng *Lạnh lùng* sau *Đoạn tuyệt* [9, số 147 (3/5/1935), tr.5].

² Theo như quảng cáo sắp có bán tiểu thuyết *Thoát ly* [4, số 156 (8/4/1939), tr.5].

bởi đàn ông, vấn đề phụ nữ không khỏi có chỗ xuất phát từ quan điểm nam tính [xem thêm 12]. Nhưng đâu vậy, những tác phẩm tiêu biểu của Tự lực văn đoàn về vấn đề phụ nữ đã vượt ra ngoài khuôn khổ của trang sách, của các thụ hưởng nghệ thuật, để tác động vào đời sống, động viên và cổ vũ những cô gái mới khẳng định giá trị cá nhân cá thể của mình, biết yêu quý trân trọng tuổi xuân, để “lạnh lùng” mà “đoạn tuyệt” và “thoát ly” chế độ và luân lí cũ, vốn chỉ bóp nghẹt tự do và giam hãm người phụ nữ vào trong không gian và sự chuyên chế của gia đình trưởng giả truyền thống.

Quan niệm tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn bắt đầu thay đổi vào những năm cuối thập niên 1930, trong sự hồ hởi cũng như nổi thất vọng từ phong trào dân chủ Đông Dương hưởng ứng mặt trận bình dân Pháp. Tình thế xã hội Việt Nam có những xoay chuyển lớn đã thôi thúc các thành viên Tự lực văn đoàn trực tiếp tham gia hoạt động chính trị, đồng thời cũng xét lại tư tưởng xã hội của mình trong hoạt động báo chí và văn chương. Văn chương như là phương tiện để “phụng sự lí tưởng cải cách” phần nào đã bị triệt thoái sức mạnh trong những đòi hỏi rằng chính cải cách văn chương phải trở thành một lí tưởng để mà phụng sự, ngõ hầu phát huy hết sức mạnh tiên phong của nó trong tình thế cách mạng. Với vấn đề phụ nữ, văn chương Tự lực văn đoàn không đặt ra như một vấn đề triết lí hay xã hội nữa. Những vấn đề ấy, Tự lực văn đoàn đặt ra một cách trực tiếp trên báo chí, như trong các tiếng nói của Hoàng Đạo chẳng hạn. Còn với văn chương, Tự lực văn đoàn nhận thấy họ thực sự cần thay đổi, không chỉ ở việc phát hiện ra những không gian rộng lớn, và thể hiện trong đó những trí thức trẻ tuổi dần thân vào hoạt động xã hội hay tìm đường

tranh đấu vì độc lập dân tộc. Tính “luận đề” từng có trong tác phẩm của họ, giờ đây cần phải thấm vào trang văn, trên mỗi con chữ, để nói như Nhất Linh trong khi trả lời Mộng Sơn về *Lạnh lùng*, nhà văn chỉ là nhà văn, chứ không phải là người đi cùng với “nhà luân lí, nhà đạo đức”, hay sau này là nhà cách mạng như những đòi hỏi mới của cuộc chiến tranh đang đến gần [4, số 221 (17/8/1940), tr.6]. Ngoài sang một lựa chọn khác, dù cùng chia sẻ khuynh hướng xã hội, nhưng tiểu thuyết tả thực mới nổi lên như một thể lực cạnh tranh với Tự lực văn đoàn, ngược lại, không những xóa bỏ được tính luận đề mà còn buộc chặt thêm nhà văn với nhà luân lí, nhà đạo đức. Chê lối văn lãng mạn “luận đề”, họ lựa chọn tả thực, nhưng thay vì để câu chuyện diễn tiến như tự thân của nó - là điều mà Tự lực văn đoàn đã cố gắng làm và vẫn bị chê trách khi không làm được một cách hoàn toàn - họ lại thậm xưng hiện thực ấy để tỏ rõ chủ trương phê phán, để nhấn mạnh tính chất xã hội của tác phẩm.

Tìm một lối đi mới cho văn chương, từ cuối năm 1938, Tự lực văn đoàn khởi động trên tờ *Ngày nay* các thảo luận về tiểu thuyết, do Thạch Lam phụ trách, bằng việc tham khảo các quan điểm nước ngoài về thể loại, đồng thời bình luận về các vấn đề liên quan. Cùng với những cảm nghiệm tự thân, trong bối cảnh ấy, Khái Hưng tìm thấy một chỉ dẫn trong một tác phẩm tiên phong - tiểu thuyết *Người mẹ* của Pearl Buck - một tác phẩm mà ông đánh giá cao và tin tưởng rằng “nếu dịch ra quốc văn sẽ có ảnh hưởng, tôi chưa nói về xã hội, nhưng về văn chương hiện tại của ta nhiều lắm”. Tiểu thuyết viết về vấn đề phụ nữ ấy khác biệt ở chỗ nó chỉ “giản dị như một đời sống của một người nhà quê Á Đông”, thậm chí “không có chuyện nữa”, bởi ở

đó “đòi một người mẹ Tàu chỉ từ từ lần ra trước mắt ta”. Thán phục trước lối văn ấy, Khải Hưng nhận ra:

“Đó là tất cả một quan niệm về tiểu thuyết.

Tiểu thuyết phải gân đời, phải là đời với những lúc sướng lúc khổ, phải có những cái nhỏ nhen, tầm thường, cao thượng của đời, phải có những cái đáng thương, những cái buồn cười, những cái bực tức” [4, số 180 (23/9/1939), tr.5, 17].

Một tiểu thuyết viết về một chủ đề thân thuộc, nhưng có lối viết hoàn toàn mới mẻ so với các tiểu thuyết ở Việt Nam lúc bấy giờ, của một nữ tác giả đương đại uy tín ở trời Tây, người đã sưu tập cho mình cả giải thưởng Pulitzer cho tác phẩm hư cấu (1931) và Nobel văn chương (1938), có thể đã truyền cảm hứng cho Khải Hưng và các thành viên khác của Tự lực văn đoàn thêm tin tưởng vào quan niệm mới về tiểu thuyết của mình: “Tiểu thuyết chỉ là tiểu thuyết, chỉ là đời” [4, số 180 (23/9/1939), tr.17]. Nhận thức này đã làm thành một rẽ ngoặt trong văn chương Tự lực văn đoàn, ngoài cái bối cảnh mà cuộc đấu tranh phong hóa mới - cũ đang dần nhường chỗ cho những phong trào dân tộc, dân chủ đang dâng lên mạnh mẽ, khuyến khích con người tham gia vào các hoạt động xã hội, các phong trào cách mạng. Với Nhất Linh, chuyển biến ấy bắt đầu từ *Đôi bạn* (1938-1939) và với Khải Hưng là *Đẹp* (1939-1940), khi cả hai ông gác lại ý hướng “luận đề” để hướng tới các thể nghiệm hiện đại hóa tiểu thuyết. Và những thay đổi ấy đã thành tựu, với Nhất Linh là *Bướm trắng* (1940-1941) và với Khải Hưng là *Thanh Đức [Bản thảo]* (1943), đều là những đỉnh cao đầu tiên của văn học Việt Nam theo hướng hiện đại hóa nghệ thuật. Khi không còn bận tâm với cuộc đấu tranh mới và cũ, chủ nghĩa

đại gia đình và cá nhân hiện đại, người phụ nữ trong những tác phẩm này không còn bản khoán dần vật trong những đấu tranh nội tâm. Họ trở nên mạnh mẽ và chủ động trong việc chiếm lĩnh đời sống hiện đại cũng như trong việc tham vấn, tham góp vào các công cuộc xã hội mà nam giới đang dần thân. Cùng với sự sôi động của những vận động phụ nữ tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc được lĩnh xướng bởi những người cộng sản, không khí chiến tranh cách mạng cũng đã vọng dội vào bộ phận văn học hợp pháp, để lại dấu ấn trong các suy tư về vấn đề phụ nữ. Tất cả những điều ấy, báo hiệu cho sự triển nở và lấn lướt của khuynh hướng nữ quyền dân tộc hóa về sau.

Kết luận

Có thể nói, từ trong hoạt động văn chương và báo chí của Tự lực văn đoàn, người phụ nữ có thể rút ra rất nhiều “bài học” bổ ích cho cuộc vận động và đấu tranh đòi quyền tự do và bình đẳng của họ. Tuy vậy, không phải những gì Tự lực văn đoàn viết về vấn đề phụ nữ, dù với nhiệt tâm và nhiệt tình rất lớn, đã thực sự là những minh chứng rõ ràng cho những đòi hỏi thành công về quyền phụ nữ, về nam nữ bình quyền hay nữ quyền, nhất là trong các tác phẩm phi hư cấu. Bởi khi các vấn đề phụ nữ được viết ra bởi đàn ông và trong khi đàn ông vẫn còn được coi là chủ nhân ông của các không gian công cộng mà người phụ nữ muốn bước vào, trong sự lôi kéo và cạnh tranh giữa các xu hướng xã hội và chính trị, trong tình thế thuộc địa đòi hỏi phải huy động mọi nguồn lực để đấu tranh đòi độc lập tự chủ,... ở trong một không gian đậm đặc những thách thức, thiết chế văn hóa chính trị ở Việt Nam lúc bấy giờ không thể không câu thúc các nỗ lực của nhà văn, nếu không muốn nói là,

bởi sự thủ đắc ngôn ngữ mà họ vô thức hay hữu thức tham gia vào kiến tạo những định chế ấy.

Dẫu vậy mặc lòng, đóng góp của Tự lực văn đoàn trong các nhận thức về vấn đề phụ nữ ở Việt Nam là hết sức đáng ghi nhận. Khi vấn đề phụ nữ bắt đầu thu hút được sự chú ý của các nhà dân tộc chủ nghĩa vào những thập niên đầu thế kỉ XX, các thảo luận mới chỉ thường xuyên đặt vấn đề phụ nữ bên cạnh dân tộc, đặt cuộc đấu tranh cho quyền phụ nữ và nữ quyền vào cùng một bình diện với đấu tranh cho nhân quyền, cho độc lập dân tộc. Từ những năm 1930, khi phụ nữ bắt đầu khẳng định được vị thế xã hội và có tiếng nói, các thảo luận dần chuyển hướng sang vấn đề giới và xã hội, các đòi hỏi về quyền phụ nữ và nữ quyền ngày càng mang tính chất của các phong trào chính trị xã hội như cách thức mà vấn đề này hiện diện trong đời sống văn hóa xã hội phương Tây. Cùng với sự ra đời và hoạt động thành công của các tờ báo (về/của) phụ nữ (*Phụ nữ tân văn, Phụ nữ từng san, Phụ nữ thời đàm, ...* ở cả Nam - Trung - Bắc), Tự lực văn đoàn đã tích cực tham gia và góp phần đáng kể để tạo nên bước chuyển này. Các thảo luận trên báo chí và các sáng tác của Tự lực văn đoàn, bởi quan niệm hiện đại và ý chí quyết tâm theo mới, vì vậy, là một tiếng nói quan trọng vì sự trưởng thành của phong trào phụ nữ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đoàn Ánh Dương (2020), “Phụ nữ và chủ nghĩa dân tộc: báo chí, các nhà dân tộc chủ nghĩa và vấn đề phụ nữ ở Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỉ XX”, *Nghiên cứu văn học*, số 2, tr.70-89.
- [2] David Marr (1976), “The 1920s Women’s Rights Debates in Vietnam”, *The Journal of Asian Studies*, Vol. 35, No. 3 (May, 1976), pp.371-389.
- [3] David Marr (1981), “The questions of women”, in *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*, University of California Press, Berkeley, pp.190-251.
- [4] *Ngày nay, 1935-1940*, sưu tập số hóa của Phạm Thảo Nguyên và cộng sự (<https://www.nguoi-viet.com/ThuVienNguoiViet/NgayNay.php>).
- [5] Phạm Thảo Nguyên (2018), *Áo dài Lemur và bối cảnh Phong hóa & Ngày nay*, Sách Khai tâm & Hồng Đức, Tp. HCM - Hà Nội.
- [6] Martina Thunhi Nguyen (2016), “Wearing Modernity: Lemur Nguyễn Cát Tường, Fashion, and the “Origins” of the Vietnamese National Costume”, *Journal of Vietnamese Studies*, Vol.11, Issue 1 (Winter 2016), pps.76-128.
- [7] Nhật Linh ([1935] 2016), *Đoạn tuyệt* (Tái bản), Nhã Nam & Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [8] Nhiều tác giả (2020), *Tự lực văn đoàn với vấn đề phụ nữ ở nước ta* (Phụ nữ từng thư - Tủ sách Giới và Phát triển) (Đoàn Ánh Dương giới thiệu; Nguyễn Minh Huệ, Vũ Thị Thanh Loan, Đào Thị Hải Thanh tuyển soạn), Nxb. Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.
- [9] *Phong hóa, 1932-1936*, sưu tập số hóa của Phạm Thảo Nguyên và cộng sự (<https://www.nguoi-viet.com/ThuVienNguoiViet/PhongHoa.php>).
- [10] Trịnh Văn Thảo (2009), *Nhà trường Pháp ở Đông Dương* (Nguyễn Trí Chi, Trịnh Văn Tùng dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [11] Lương Đức Thiệp (1944), “Xã hội Việt Nam. Việt Nam Tiến hóa sử”, *Tạp chí Văn mới* (tập mới), số 34-35 (25/5/1944), Nxb. Hàn Thuyên, Hà Nội.
- [12] Trần Văn Toàn (2011), “Nam tính hóa nữ tính - Đọc *Đoạn tuyệt* của Nhật Linh từ góc nhìn giới tính”, *Nghiên cứu văn học*, số 9, tr.86-97.
- [13] Insun Yu (1994), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII-XVIII* (Nguyễn Quang Ngọc tổ chức dịch và hiệu đính), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [14] Insun Yu (2001), “Mô hình xã hội lưỡng hệ và địa vị của người phụ nữ trong truyền thống Việt Nam”, trong *Việt Nam học - kỉ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, (Tập 4), Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.285-296.